

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HC-PT

Ngày 30 - 7 - 2019

*V/v khởi kiện hành vi hành chính của
UBND cấp huyện.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 336/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc “*khởi kiện hành vi hành chính của UBND cấp huyện*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7275/2019/QĐPT-HC ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh;

2. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh;

3. Ông Đinh Viết C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh;

4. Ông Nguyễn Quang Th, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh.

Những người khởi kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Lê Công Mi, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

- Ông Hoàng Tiến Kh, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Tổ X, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

- Bà Tạ Thị H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

- Bà Tô Thị P, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

(Tất cả theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14 tháng 9 năm 2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện: Ông Phạm Văn L - Luật sư Công ty Luật TNHH V, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: số 201 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ông Lợi có mặt.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Dương - Chức vụ: Chủ tịch UBND;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND.

(Theo Quyết định ủy quyền số 1955/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND thành phố P) ông Kính có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Song P - Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, có mặt;

- Ông Nguyễn Văn K - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P, có mặt;

- Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ Trưởng phòng tư pháp thành phố P, có đơn xin xét xử vắng mặt;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn Ph - Chức vụ: Chủ tịch UBND;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Mạnh Th - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND; (Theo Văn bản ủy quyền số 27/QĐ-UBND ngày 04/4/2019), ông Thắng có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C, ông Nguyễn Quang Th.

Ngoài ra còn có những người khởi kiện nhưng không kháng cáo, Tòa án không triệu tập, gồm:

1. Ông Hoàng Tiến Kh, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Tổ X, p. H, Tp. P, tỉnh Quảng Ninh;

2. Bà Hoàng Thị Thu H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ 3, khu 1B, p. H, Tp. P, tỉnh Quảng Ninh;

3. Bà Hoàng Minh H2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ X, p. H, Tp. P, tỉnh Quảng Ninh;

4. Bà Hoàng Mai P2, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 4, khu 9A, p. H, Tp. P, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm số 41/2018/HC-ST, ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nội dung vụ án như sau:

Thực hiện dự án đường cao tốc H - V và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức BOT. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện dự án, các hộ dân thuộc phường H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh cho rằng Nhà nước đã chiếm dụng vào phần đất của các hộ dân nhưng chưa ra quyết định thu hồi phần đất trong bản đồ địa chính và lập phương án bồi thường theo quy định, xâm phạm đến quyền và lợi ích của các hộ dân, nên các hộ dân gồm: Ông Hoàng Tiến Kh, bà Hoàng Thị Thu H1, bà Hoàng Minh H2, bà Hoàng Mai P2, bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C và ông Nguyễn Quang Th đã khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố P, tỉnh Quảng Ninh lấy đất của các

hộ dân trên để thực hiện dự án nhưng không ra quyết định thu hồi đất, kiểm đếm và không lập phương án bồi thường hỗ trợ. Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố P ra quyết định thu hồi đất, đồng thời lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho các hộ gia đình.

** Những người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm như sau:*

1. Hộ ông Hoàng Tiến Kh: Là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 76a tờ bản đồ số 143 với diện tích 49m² đất ở tại địa chỉ tổ 10, khu 9, phường H, thị xã P, Quảng Ninh (nay là Tổ X, phường H, thành phố P, Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 120208, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H2307 do UBND thị xã P cấp ngày 24/8/2007. Nguồn gốc đất: Năm 1984, mua thửa đất 250m² của ông Nguyễn Văn Th1. Ngày 06/9/1984, gia đình xin giấy phép xây dựng trên thửa đất này. Gia đình ở ổn định từ đó đến nay. Hàng năm đóng thuế đầy đủ.

2. Bà Hoàng Thị Thu H1: Là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 76c tờ bản đồ số 143 với diện tích 62m² đất ở tại địa chỉ tổ 10, khu 9, phường H, thị xã P, Quảng Ninh (nay là Tổ X, phường H, thành phố P, Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 120211, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng H2309 do UBND thị xã P cấp ngày 24/8/2007. Nguồn gốc đất: Năm 1984, mua thửa đất 250m² của ông Nguyễn Văn Th1. Ngày 06/9/1984, xin giấy phép xây dựng trên thửa đất này. Năm 2007, nhận tặng cho và ở ổn định từ đó đến nay. Hàng năm đóng thuế đầy đủ.

3. Bà Hoàng Minh H2: Là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 76đ tờ bản đồ số 143 với diện tích 45m² đất ở tại địa chỉ tổ 10, khu 9, phường H, thị xã P, Quảng Ninh (nay là Tổ X, phường H, thành phố P, Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 120212, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng H2308 do UBND thị xã P cấp ngày 24/8/2007. Nguồn gốc đất: năm 1984, mua thửa đất 250m² của ông Nguyễn Văn Th1. Ngày 06/9/1984, xin giấy phép xây dựng trên thửa đất này. Năm 2007, nhận tặng cho và ở ổn định từ đó đến nay. Hàng năm đóng thuế đầy đủ.

4. Bà Hoàng Mai P2 là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 76b tờ bản đồ số 143 với diện tích 57m² đất ở tại địa chỉ tổ 10, khu 9, phường H, thị xã P, Quảng Ninh (nay là Tổ X, phường H, TP P, Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 120210, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng H2310 do UBND thị xã P cấp ngày 24/8/2007. Nguồn gốc đất: năm 1984, mua thửa đất 250m² của ông Nguyễn Văn Th1. Ngày 06/9/1984, gia đình xin giấy

phép xây dựng trên thửa đất này. Gia đình ở ổn định từ đó đến nay. Năm 2007, nhận tặng cho thửa đất. Hàng năm đóng thuế đầy đủ.

5. Bà Ngô Thị L: Là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 107A với diện tích 127m² đất (gồm: 120m² đất ở và 7m² đất TCLN), địa chỉ thửa đất tại tổ 4, khu 1 (nay là Tổ A), phường H, thành phố P, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 120348, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H2643 do UBND thị xã P cấp ngày 24/01/2008. Nguồn gốc đất: Gia đình nhận chuyển nhượng nhà ở, đất ở của bà Nguyễn Thị M2 từ năm 1979, thời điểm nhận chuyển nhượng lại mảnh đất này, bà Mão đã xây dựng nhà ở và nộp phí trước bạ đối với toàn bộ thửa đất đó.

6. Bà Nguyễn Thị Tr: Là người đang quản lý, sử dụng 01 thửa đất tờ bản đồ số 44 với diện tích 103m² đất ở, địa chỉ thửa đất tại tổ 4, khu 1 (nay là Tổ A), phường H, thành phố P, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AE 660891, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H1844 do UBND thị xã P cấp ngày 12/10/2006. Nguồn gốc đất: Do bố mẹ bà (ông Đinh Viết T5, bà Ngô Thị L) nhận chuyển nhượng nhà ở, đất ở của bà Nguyễn Thị M2 từ năm 1979. Đến năm 2006 bố mẹ bà chuyển nhượng cho bà toàn bộ diện tích trên, đất sử dụng vào mục đích để ở.

7. Ông Đinh Viết C: Là người đang quản lý, sử dụng 01 thửa đất số 107B tờ bản đồ số 44 với diện tích 69m² đất ở, địa chỉ thửa đất tại tổ 4, khu 1 (nay là Tổ A), phường H, TP. P, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 120297, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H2349 do UBND thị xã P cấp ngày 24/8/2007. Nguồn gốc đất: Do bố mẹ ông (ông Đinh Viết T5, bà Ngô Thị L) nhận chuyển nhượng nhà ở, đất ở của bà Nguyễn Thị M2 từ năm 1979. Đến năm 2007 bố mẹ ông chuyển nhượng cho ông toàn bộ diện tích đất sử dụng vào mục đích để ở.

8. Ông Nguyễn Quang Th là người đang quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 539m² tại địa chỉ Tổ A, phường H, TP P, Quảng Ninh. Nguồn gốc đất: Do bố mẹ ông nhận chuyển nhượng của ông bà Đinh Viết T5 và Ngô Thị L từ tháng 01/1991. Sau khi nhận chuyển nhượng đất gia đình ông đã xây nhà và ở ổn định từ đó đến nay. Hàng năm gia đình đóng thuế đầy đủ.

Năm 1995, UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định 2135/QĐ-UBND ngày 23/9/1995 phê duyệt lộ giới đường 18A thuộc thị xã P trong đó tại Điều 1 của Quyết định nêu: Phê duyệt lộ giới đường 18A, thuộc địa phận thị xã P từ Km 135 đỉnh dốc Đèo Bụt đến Km 91+600 giữa cầu Ba Chẽ. Mặt cắt ngang đường, vỉa hè, hành lang an toàn từng đoạn được xác định như tờ trình số 20TT/UB ngày

19/8/1995 của UBND thị xã P, kèm theo Biên bản ngày 15/8/1995 giữa hạt đường 3 đoạn quản lý cầu đường bộ 1 Quảng Ninh và Phòng quản lý đô thị thị xã P đã xác định. Cụ thể, tại Biên bản ngày 15/8/1995 đã xác định lộ giới dọc đường 18A tại địa bàn xã H: “Từ dốc Đèo Bụt (Km 135) đến núi cây số 6 (Km 144) lộ giới là 34m có mặt cắt đường như sau: Mặt đường: 14,0 m; Vía hè mỗi bên (hoặc hành lang đường): 10,0 m”. Để tạo điều kiện cho các cơ quan địa phương thực hiện dự án, khi đó, gia đình đã lùi bờ rào, hỗ trợ các cơ quan chính quyền địa phương thực hiện quyết định, mà không được nhận bất cứ khoản tiền bồi thường nào.

Năm 2001, các cơ quan chức năng tiến hành thu hồi 3m chiều sâu để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường 18. Khi thực hiện dự án này, gia đình có đất trong dự án đã được nhận quyết định thu hồi đất và được bồi thường theo quy định của pháp luật. Gia đình nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định liên quan để thực hiện dự án này.

Khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND thị xã P đã trừ đi phần đất phía ngoài, giáp đường, trong bản đồ địa chính của gia đình và giải thích đây là phần đất nằm trong hành lang giao thông, hạn chế sử dụng, nếu nhà nước thu hồi đất sẽ được bồi thường sau, nên gia đình những người kiện yên tâm nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình chỉ được cấp diện tích đất ở như trong giấy chứng nhận, phần diện tích ảnh hưởng bởi dự án nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ.

Hiện nay, Nhà nước lại tiếp tục nâng cấp đường theo dự án: Đường cao tốc H - V và cải tạo nâng cấp Quốc lộ A đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức hợp đồng BOT. Dự án này khi triển khai thực hiện, một lần nữa đã chiếm dụng vào đất của các hộ dân phường H. Tuy nhiên, lần thực hiện triển khai dự án này, các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án nhưng các cơ quan chức năng chưa ra quyết định thu hồi phần đất trong bản đồ địa chính của gia đình và chưa lập phương án bồi thường cho gia đình khi thực hiện dự án.

Theo quy định của Luật giao thông đường bộ, Nghị định 181 và Quyết định số 2899/UBND/QLĐĐ1 ngày 13/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh thì diện tích đất của các gia đình thuộc hành lang giao thông vẫn được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Mặt khác, năm 1995 khi UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 2135/QĐ-UBND thì phần đất của các hộ gia đình cất lại để làm hành lang giao thông cũng chưa được nhận bất kỳ chính sách bồi thường nào chỉ vì lãnh đạo các cơ quan thời bấy giờ đảm bảo chắc chắn rằng sau này khi nhà nước thu hồi đất

thực hiện dự án, công trình công cộng các gia đình hoàn toàn đủ điều kiện được hưởng chính sách bồi thường theo quy định pháp luật.

** Đại diện của người bị kiện trình bày:*

UBND thành phố P không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của các hộ dân phường H để thực hiện dự án nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân với lý do:

- Ranh giới dự án Đường cao tốc H - V và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ A đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức hợp đồng BOT không chiếm dụng vào đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là GCNQSD đất) của Người khởi kiện. Căn cứ vào mặt bằng hướng tuyến và ranh giới giải phóng mặt bằng thực hiện dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 09/11/2015; căn cứ vào GCNQSD đất của các hộ dân (GCNQSD đất đều thể hiện khoảng cách từ mép Quốc Lộ 18A vào đến ranh giới (phía tiếp giáp Quốc lộ 18A) đất của gia đình là 11m; khoảng cách từ tim Quốc lộ 18A vào đến ranh giới (phía tiếp giáp Quốc lộ 18A) đất của gia đình là 17m. Qua đó xác định ranh giới dự án không chiếm dụng vào diện tích đất của người khởi kiện đã được cấp giấy chứng nhận.

- Ranh giới dự án Đường cao tốc H - V và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức hợp đồng BOT. Năm 2015, UBND thành phố P đã thuê đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế và xây dựng Miền Bắc đo trích địa chính thửa đất đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi (Bản đồ hiện trạng Giải phóng mặt bằng thực hiện dự án). Tại Bản đồ hiện trạng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xác định ranh giới dự án không chiếm dụng vào thửa đất hiện trạng của người khởi kiện.

- Hiện trạng sử dụng vị trí đất của các hộ khiếu kiện là trồng cây bóng mát, vỉa hè phục vụ cho mục đích công cộng, nằm trong lộ giới đường Quốc lộ được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 2135/QĐ- UBND ngày 23/9/1995, đã được thu hồi vĩnh viễn theo Quyết định số 1777/QĐ- UBND ngày 13/7/2000 của UBND tỉnh Quảng Ninh và sử dụng vào mục đích công cộng đến nay.

- Theo quy định của pháp luật thì không cho phép khôi phục bồi thường về đất sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt lộ giới giao thông và chỉ giới xây dựng theo Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ

thị số 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị. Ngày 13/7/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1777/QĐ-UBND “về việc quy định đền bù, di chuyển để giải phóng mặt bằng quốc lộ 18A đoạn Hồng Gai - Cửa Ông (giai đoạn III)”. Trong đó công tác đền bù di chuyển để GPMB Quốc lộ 18A đoạn Hồng Gai - Cửa Ông (giai đoạn III) được thực hiện theo các Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/1999 ban hành quy định đền bù GPMB quốc lộ 18A đoạn Biều Nghi, huyện Yên Hưng đến bến phà Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, số 2227/QĐ-UBND ngày 21/9/1999, số 2305/QĐ-UBND ngày 28/9/1999, số 3587/QĐ-UBND ngày 29/12/1999 về bổ sung, sửa đổi quy định đền bù GPMB Quốc lộ 18A đoạn II ban hành kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và sửa chữa nội dung. Sửa đổi khoản 2, mục I, điều B bản quy định kèm theo Quyết định số 3587/QĐ-UBND ngày 29/12/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:

“2.1 Ranh giới để xác định diện tích đất thu hồi được đền bù là lộ giới đường 18A thuộc thành phố Hạ Long và thị xã P quy định tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lộ giới giao thông và chỉ giới xây dựng theo Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ thị số 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

- Về nguyên tắc và điều kiện đền bù thiệt hại về đất:

+ Nguyên tắc đền bù quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 24/7/1999.

+ Điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất quy định tại Điều 8 Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 24/7/1999.

+ Căn cứ để tính đền bù thiệt hại về đất quy định tại Điều 9 Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/1999.

Từ những căn cứ trên cho thấy quy định đền bù GPMB Quốc lộ 18A đoạn Hạ Long - Mông Dương, quy định của pháp luật không cho phép khôi phục bồi thường về đất sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt lộ giới giao thông và chỉ giới xây dựng theo Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ thị số 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

Hơn nữa, đối chiếu với Sổ bộ thuế nhà đất các năm xác định người khởi kiện không nộp thuế nhà đất, thuế đất phi nông nghiệp đối với diện tích người khởi

kiện khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố P về việc thu hồi đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

Từ những căn cứ trên, đối chiếu với các loại bản đồ: Bản đồ hiện trạng GPMB Quốc lộ 18A đoạn Hồng Gai - Cửa Ông (giai đoạn 3) năm 2000; Bản đồ địa chính phường H năm 2003; Bản đồ hiện trạng GPMB dự án Đường cao tốc H - V và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ A đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức hợp đồng BOT, UBND thành phố P khẳng định: Diện tích Người khởi kiện đang khởi kiện là đất giao thông. Do đó, UBND thành phố P không phải ban hành thông báo thu hồi đất đến người khởi kiện và không thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với người khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường H, thành phố P trình bày:*

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các hộ dân:

- Hộ ông Hoàng Tiến Kh:

Địa chỉ thửa đất: Tờ 3 - khu 9A phường H, thửa đất số 76A tờ số 143 bản đồ địa chính năm 2003, tên chủ sử dụng đất: Hoàng Tiến Kh.

Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất:

Thửa đất của ông Hoàng Tiến Kh và bà Mai Thị B được UBND thị xã P cấp giấy phép xây dựng số 225GP/UB ngày 06/9/1984 diện tích sử dụng là 240,0m² bao gồm cả xây dựng và trồng trọt. Ngày 01/02/2004 gia đình ông Kh đã tách đất ở cho các con gồm: Hoàng Mai P2 với diện tích là 57,0m²; Hoàng Minh H2 với diện tích là 45,0m²; Hoàng Thị Thu H1 với diện tích là 62,0m². Ngày 24/8/2007 ông Hoàng Tiến Kh và bà Mai Thị B được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 2307, số phát hành AK 120208 với diện tích là 47,0m² đất ở.

Phần diện tích gia đình hộ ông Hoàng Tiến Kh yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 45 diện tích 8311,9m² và một phần thửa đất số 76 tờ bản đồ số 143 mang tên ông Hoàng Tiến Kh, một phần diện tích thửa 76 tờ bản đồ số 143 mà dự án nâng cấp cải tạo Quốc lộ 18A chiếm dụng vào nằm dưới hành lang đường điện 35kv - đường điện 35kv có từ thời điểm năm 1960 và nằm ngoài giấy tờ cấp từ năm 1984 (căn cứ giấy phép xây dựng số 225/GP-UBND được UBND thị xã P cấp ngày 06/8/1984 xác định diện tích hộ ông được cấp cách mép đường quốc lộ 18 là 35m).

Đối chiếu GCNQSD đất số H 2307 ngày 24/8/2007, phần diện tích gia đình ông yêu cầu bồi thường, Nhà nước không chiếm dụng vào. Năm 1995 thực hiện

Quyết định số 2135 của UBND tỉnh quyết định phê duyệt lộ giới đường 18A thuộc thị xã P, Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ thị 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị, phần diện tích này là đất hành lang an toàn giao thông được sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung. Căn cứ bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2000 và bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2015 phần diện tích ông khởi kiện được thể hiện trên hồ sơ địa chính là thửa đất giao thông.

Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008 diện tích ông Kh nộp thuế là 240,0m²; số tiền nộp 469.700 đồng; sổ bộ thuế nhà đất năm 2009 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 466.900 đồng; sổ bộ thuế nhà đất năm 2011 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 538.700 đồng;

Sổ bộ thuế nhà đất năm 2013, 2014, 2015, 2016 diện tích ông Kh nộp thuế là 47,0m²; số tiền nộp là 12.800 đồng. Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ ông Hoàng Tiến Kh đã nộp xác định phần diện tích gia đình khiếu kiện, hộ ông không nộp thuế nhà đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

- Bà Hoàng Thị Thu H1:

Địa chỉ thửa đất: Tờ 3 - khu 9A phường H, thửa đất số 76C tờ số 143 bản đồ địa chính năm 2003, tên chủ sử dụng đất: Hoàng Tiến Kh

Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất:

Thửa đất của ông Hoàng Tiến Kh và bà Mai Thị B được UBND thị xã P cấp giấy phép xây dựng số 225GP/UB ngày 06/9/1984 diện tích sử dụng là 240,0m² bao gồm cả xây dựng và trồng trọt. Ngày 01/2/2004 gia đình ông Kh đã tách cho con gái Hoàng Thị Thu H1 62,0m² đất ở. Ngày 24/8/2007 bà Hoàng Thị Thu H1 được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 2309, số phát hành AK 120211 với diện tích là 62,0m² đất ở. Phần diện tích bà Hoàng Thị Thu Hương yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 45 diện tích 8311,9m² và một phần thửa đất số 76 tờ bản đồ số 143 mang tên ông Hoàng Tiến Kh. Một phần diện tích thửa 76 tờ bản đồ số 143 mà dự án nâng cấp cải tạo Quốc lộ 18A chiếm dụng vào nằm dưới hành lang đường điện 35kv - đường điện 35kv có từ thời điểm năm 1960 và nằm ngoài giấy tờ cấp từ năm 1984 (căn cứ giấy phép xây dựng số 225/GP-UBND được UBND thị xã P cấp ngày 06/8/1984 xác định diện tích hộ ông Hoàng Tiến Kh được cấp cách mép đường quốc lộ 18 là 35m).

Đối chiếu GCNQSD đất đã cấp số H 2309 ngày 24/8/2007, phần diện tích bà H2 yêu cầu bồi thường, Nhà nước không chiếm dụng vào. Năm 1995 thực hiện Quyết định số 2135 của UBND tỉnh quyết định phê duyệt lộ giới đường 18A

thuộc thị xã P, Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ thị 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị, phần diện tích này là đất hành lang an toàn giao thông được sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung. Căn cứ bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2000 và bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2015 phần diện tích bà Hoàng Thị Thu H1 khởi kiện được thể hiện trên hồ sơ địa chính là thửa đất giao thông. Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008, năm 2009, năm 2011 bà H2 không có tên về việc nộp thuế nhà đất. Diện tích nộp thuế nhà đất hàng năm mang tên ông Hoàng Tiến Kh, cụ thể: Năm 2008 diện tích ông Kh nộp thuế là 240,0m²; số tiền nộp 469.700 đồng; Năm 2009 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 466.900 đồng; Năm 2011 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 538.700 đồng;

Năm 2013, 2014, 2015, 2016 bà H2 không có tên trong sổ bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ bà Hoàng Thị Thu H1 đã nộp xác định phần diện tích gia đình khiếu kiện, hộ bà không nộp thuế nhà đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

- Bà Hoàng Minh H2:

Địa chỉ thửa đất: Tờ 3 - khu 9A phường H, thửa đất số 76D tờ số 143 bản đồ địa chính năm 2003, tên chủ sử dụng đất: Hoàng Tiến Kh

Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất:

Thửa đất của ông Hoàng Tiến Kh và bà Mai Thị B được UBND thị xã P cấp giấy phép xây dựng số 225GP/UB ngày 06/9/1984 diện tích sử dụng là 240,0m² bao gồm cả xây dựng và trồng trọt. Ngày 01/02/2004 gia đình ông Kh đã tách 57,0m² đất ở cho con gái Hoàng Minh H2 45,0m² đất ở. Ngày 24/8/2007 bà Hoàng Minh H2 được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 2308, số phát hành AK 120212 với diện tích là 45,0m² đất ở. Phần diện tích bà Hoàng Minh H2 yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 45 diện tích 8311,9m² và một phần thửa đất số 76 tờ bản đồ số 143 mang tên ông Hoàng Tiến Kh. Một phần diện tích thửa 76 tờ bản đồ số 143 mà dự án nâng cấp cải tạo Quốc lộ 18A chiếm dụng vào nằm dưới hành lang đường điện 35kv - đường điện 35kv có từ thời điểm năm 1960 và nằm ngoài giấy tờ cấp từ năm 1984 (căn cứ giấy phép xây dựng số 225/GP-UBND được UBND thị xã P cấp ngày 06/8/1984 xác định diện tích hộ ông Hoàng Tiến Kh được cấp cách mép đường quốc lộ 18 là 35m). Đối chiếu GCNQSD đất đã cấp số H2308 ngày 24/8/2007, phần diện tích bà H3 yêu cầu bồi thường, Nhà nước không chiếm dụng. Năm 1995 thực hiện Quyết định số

2135 của UBND tỉnh quyết định phê duyệt lộ giới đường 18A thuộc thị xã P; Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ thị 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị, phần diện tích này là đất hành lang an toàn giao thông được sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung. Căn cứ bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2000 và bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2015 phần diện tích bà Hoàng Minh H2 khởi kiện được thể hiện trên hồ sơ địa chính là thửa đất giao thông.

Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008, năm 2009, năm 2011 bà H3 không có tên về việc nộp thuế nhà đất. Diện tích nộp thuế nhà đất hàng năm mang tên ông Hoàng Tiến Kh, cụ thể: Năm 2008 diện tích ông Kh nộp thuế là 240,0m²; số tiền nộp 469.700 đồng; Năm 2009 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 466.900 đồng; Năm 2011 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 538.700 đồng. Sổ bộ thuế nhà đất năm 2013, 2014, 2015, 2016 diện tích bà H3 nộp thuế là 45,0m²; số tiền nộp 108.000 đồng. Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ bà H3 đã nộp xác định phần diện tích gia đình khiếu kiện, hộ bà không nộp thuế nhà đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

- Bà Ngô Thị L; địa chỉ thửa đất: Tổ A, phường H;

Thửa đất số 107 tờ số 44 bản đồ địa chính năm 2003, tên chủ sử dụng đất: Đinh Viết T5 - Ngô Thị L.

Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất:

Đất của ông Đinh Viết T5 và vợ là bà Ngô Thị L khai hoang và xây dựng nhà ở từ năm 1985. Năm 1991 ông Thông và bà L đã tách một phần diện tích đất cho trai là Đinh Viết H5 và đến năm 1997 tách tiếp một phần cho con trai là Đinh Viết C sử dụng. Năm 2008 bà Ngô Thị L và ông Đinh Viết T5 được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 2643, số phát hành AK 120348 ngày 24/01/2008 với diện tích 127,0m². Đối chiếu với bản đồ địa chính phường H được lập năm 2003, phần diện tích bà Ngô Thị L yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 131 diện tích 4451,5m² không phải tên bà Ngô Thị L. Đối chiếu với GCNQSD đất đã cấp số H 2643 ngày 24/01/2008, Nhà nước không chiếm dụng vào phần diện tích ghi trên GCNQSD đất đã cấp; phần diện tích bà L yêu cầu bồi thường không có tên trên bản đồ địa chính.

Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008 diện tích ông Đinh Viết T5 (chồng bà Ngô Thị L) nộp thuế là 240,0m²; số tiền nộp 469.700 đồng; sổ bộ thuế nhà đất năm 2009 diện tích ông Đinh Viết T5 nộp thuế là 240,0m²; số tiền nộp 531.100

đồng; sổ bộ thuế nhà đất năm 2011 diện tích ông Đinh Viết T5 nộp thuế là 127,0m²; số tiền nộp 324.200 đồng; sổ bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các năm 2013, 2014, 2015, 2016 diện tích ông Thông nộp thuế là 127,0m², số tiền 372.000 đồng. Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ bà Ngô Thị L đã nộp xác định phần diện tích gia đình khiếu kiện, hộ bà không nộp thuế nhà đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

- Bà Nguyễn Thị Tr:

Địa chỉ thửa đất: Tổ 2 - khu 1B phường H, thửa đất số 107 tờ số 44 bản đồ địa chính năm 2003, tên chủ sử dụng đất: Đinh Viết T5 - Ngô Thị L.

Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất:

Đất của ông Đinh Viết T5 và vợ là bà Ngô Thị L khai hoang từ năm 1985 đến năm 1991 tách một phần cho con là Đinh Viết H5. Ông H5 đã xây dựng nhà ở từ năm 1991, đến năm 2006 ông Đinh Viết H5 và vợ là Nguyễn Thị Tr đã được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 1884, số phát hành AE 660891 ngày 12/10/2006 với diện tích là 103,0m². Phần diện tích bà Nguyễn Thị Tr yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 45 diện tích 8311,9 m² không phải tên ông Đinh Viết H5. Đối chiếu với GCNQSD đất đã cấp số H 1884 ngày 12/10/2006 phần diện tích bà yêu cầu bồi thường, nhà nước không chiếm dụng vào. Đối chiếu với bản đồ địa chính lập năm 2003, phần diện tích bà Nguyễn Thị Tr yêu cầu bồi thường không có tên trên bản đồ địa chính.

Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008 diện tích ông Đinh Viết H5 (chồng bà Nguyễn Thị Tr) nộp thuế là 103,0m²; số tiền nộp 201.600 đồng; sổ bộ thuế nhà đất năm 2009 diện tích ông Đinh Viết H5 nộp thuế là 103,0m²; số tiền nộp 227.900 đồng; sổ bộ thuế nhà đất năm 2011 diện tích ông Đinh Viết H5 nộp thuế là 103,0m²; số tiền nộp là 263.000 đồng. Sổ bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các năm 2013, 2014, 2015, 2016 diện tích Ông H5 nộp thuế là 103,0m², số tiền 247.200 đồng. Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ bà Nguyễn Thị Tr đã nộp xác định phần diện tích gia đình khiếu kiện, hộ bà không nộp thuế nhà đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp GCNQSD đất.

- Ông Đinh Viết C:

Địa chỉ thửa đất: Tổ 2 - khu 1B phường H.

Thửa đất số 107B tờ số 44 bản đồ địa chính năm 2003.

Tên chủ sử dụng đất: Đinh Viết T5 - Ngô Thị L.

Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất:

Đất của ông Đinh Viết T5 và vợ là bà Ngô Thị L khai hoang và làm nhà ở năm 1985 đến năm 1997 ông Thông và bà L tách cho con trai là ông Đinh Viết C, UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H2349, số phát hành AK 120297 với diện tích 69,0m². Phần diện tích ông C yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 45 diện tích 8311,9m² không phải tên ông C. Đối chiếu với GCNQSD đất đã cấp số H 2349 ngày 24/8/2007 phần diện tích ông C yêu cầu bồi thường Nhà nước không chiếm dụng vào. Đối chiếu với bản đồ địa chính năm 2003, phần diện tích ông C yêu cầu bồi thường không có tên trong sổ địa chính.

Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008, năm 2009, năm 2011 ông C không có tên về việc nộp thuế nhà đất. Sổ bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các năm 2013, 2014, 2015, 2016 diện tích ông C nộp thuế là 69,0m², số tiền 165.600 đồng. Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ ông Đinh Viết C đã nộp xác định phần diện tích gia đình khiếu kiện, hộ ông không nộp thuế nhà đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

- Ông Nguyễn Quang Th:

Địa chỉ thửa đất: Tờ 2 - khu 1B phường H, thửa đất số 90 tờ số 14 bản đồ địa chính năm 2003, tên chủ sử dụng đất: Trần Thị L2.

Đất của ông Đinh Viết T5 và bà Ngô Thị L khai hoang từ năm 1985. Năm 1991, ông Thông và bà L đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị L2 sử dụng. Ông Đ và bà L2 đã xây dựng nhà ở từ năm 1991, hiện ông Đ và bà L2 đã chết, không để lại di chúc. Khối di sản ông Đ và bà L2 để lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ và bà L2 chưa thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, hiện ông Nguyễn Quang Th đang quản lý khối di sản ông Đ và bà L2 để lại. Phần diện tích ông Nguyễn Quang Th yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 131 diện tích 4451,5m² không phải tên ông Nguyễn Quang Th. Đối chiếu với bản đồ địa chính lập năm 2003, phần diện tích ông Thành yêu cầu bồi thường không có tên trên bản đồ địa chính.

Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008, năm 2009, năm 2011 ông Thành (bố mẹ là ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị L2) đều không có tên về việc nộp thuế nhà đất.

Căn cứ sổ bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các năm 2013, 2014, 2015, 2016 không có tên ông Thành, ông Đ, bà L2 về việc nộp thuế nhà đất. Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ ông Nguyễn Quang Th xác định việc gia đình có nộp thuế đối với phần diện tích dự án chiếm dụng là không có cơ sở.

- Bà Hoàng Mai P2:

Địa chỉ thửa đất: Tổ 3 - khu 9A phường H, thửa đất số 76B tờ số 143 bản đồ địa chính năm 2003, tên chủ sử dụng đất: Hoàng Tiến Kh - Mai Thị B.

Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất:

Thửa đất của ông Hoàng Tiến Kh và bà Mai Thị B được UBND thị xã P cấp giấy phép xây dựng số 225GP/UB ngày 06/9/1984 diện tích sử dụng là 240,0m² bao gồm cả xây dựng và trồng trọt. Ngày 01/02/2004 gia đình ông Kh đã tách 57,0m² đất ở cho con gái Hoàng Mai P2 sử dụng. Ngày 24/8/2007 bà Hoàng Mai P2 được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 2310, số phát hành AK 120210 với diện tích là 57,0m². Phần diện tích bà Hoàng Mai P2 yêu cầu bồi thường là một phần thửa đất giao thông số 45 diện tích 8311,9m² và một phần thửa đất số 76 tờ bản đồ số 143 mang tên ông Hoàng Tiến Kh. Một phần diện tích thửa 76 tờ bản đồ số 143 mà dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 18A chiếm dụng vào nằm dưới hành lang đường điện 35kv có từ năm 1960 và nằm ngoài giấy tờ cấp năm 1984. Căn cứ giấy phép xây dựng số 225/GP-UBND được UBND thị xã P cấp ngày 06/8/1984 xác định diện tích hộ ông Hoàng Tiến Kh được cấp cách mép đường quốc lộ là 18,35m. Đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số H 2310 ngày 24/8/2007, phần diện tích bà Phương yêu cầu bồi thường, Nhà nước không chiếm dụng vào. Năm 1995 thực hiện Quyết định số 2135 của UBND tỉnh quyết định phê duyệt lộ giới đường 18A thuộc thị xã P, Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ thị 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị, phần diện tích này là đất hành lang an toàn giao thông được sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung. Căn cứ bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2000 và bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2015 phần diện tích bà Hoàng Mai P2 khởi kiện được thể hiện trên hồ sơ địa chính là thửa đất giao thông.

Căn cứ sổ bộ thuế nhà đất năm 2008, năm 2009, năm 2011 bà Phương không có tên về việc nộp thuế nhà đất. Diện tích nộp thuế nhà đất hàng năm mang tên ông Hoàng Tiến Kh, cụ thể: Năm 2008 diện tích ông Kh nộp thuế là 240,0m²; số tiền nộp 469.700 đồng; Năm 2009 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 466.900 đồng; Năm 2011 diện tích ông Kh nộp thuế là 211,0m²; số tiền nộp 538.700 đồng. Sổ bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các năm 2013, 2014, 2015, 2016 diện tích bà Phương nộp thuế là 57,0 m², số tiền 136.800 đồng. Như vậy, đối chiếu với sổ bộ Thuế nhà đất qua các năm của hộ bà Hoàng Mai P2 đã nộp xác định phần diện tích gia đình khiếu kiện, hộ bà không nộp thuế nhà đất mà chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 41/2018/HC-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định; Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác yêu cầu khởi kiện của của những người khởi kiện ông Hoàng Tiến Kh, bà Hoàng Thị Thu H1, bà Hoàng Minh H2, bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C, ông Nguyễn Quang Th, bà Hoàng Mai P2 về việc khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của các hộ ông Hoàng Tiến Kh, bà Hoàng Thị Thu H1, bà Hoàng Minh H2, bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C, ông Nguyễn Quang Th, bà Hoàng Mai P2 phường H để thực hiện dự án đường Cao tốc H - V và dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Hạ Long - Mông Dương nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và không lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân.

Ngoài ra, Bản án còn buộc nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2018 (Tòa án cấp sơ thẩm nhận được ngày 16/7/2018) những người khởi kiện gồm: Ông Hoàng Tiến Kh, bà Hoàng Thị Thu H1, bà Hoàng Minh H2 và bà Hoàng Mai P2 (do ông Hoàng Tiến Kh làm đại diện) có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; ngày 20/7/2018 người khởi kiện, gồm: Bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C, ông Nguyễn Quang Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, chấp nhận đơn khởi kiện của những người khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện có kháng cáo giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Những người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho những người khởi kiện trình bày: Cần phải xác định lại bản đồ địa chính để xem xét nguồn gốc sử dụng đất, những người khởi kiện là những người dân sinh sống ổn định từ trước ngày 15/10/1993 đến nay không có tranh chấp; năm 1995 UBND tỉnh Quảng Ninh có quyết định cắm mốc lộ giới nhưng không ra quyết định thu hồi đất, lập phương án đền bù cho nhân dân nhưng những người dân đã nghiêm túc chấp hành. Tuy nhiên, khi cấp GCNQSD đất đã không xem xét đến phần đất đã cắm mốc để cấp GCNQSD đất hoặc có phương án bồi thường; năm 2001 - 2003 có một số hộ dân được bồi thường phần đất này, nhưng khi thực hiện dự án đường cao tốc H - V thì 04 hộ dân tuy có diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án nhưng không có quyết định thu

hồi đất và lập phương án bồi thường, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của 04 hộ dân này; cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của những người khởi kiện là thiếu căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của những người khởi kiện.

- Đại diện người bị kiện trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm xác định đất của các hộ dân không bị ảnh hưởng bởi dự án đường cao tốc H - V và nâng cấp Quốc lộ 18A, nên UBND thành phố P không ban hành quyết định thu hồi, lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư là đúng quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến các quyền lợi ích hợp pháp của những hộ dân. Vì vậy, phía người bị kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của những người khởi kiện là đúng pháp luật, nên đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà H2, bà H3 và bà Phương, người bị kiện nhất trí việc rút yêu cầu này.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của những người khởi kiện là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền:

Những người khởi kiện cho rằng, thực hiện dự án cao tốc H - V và nâng cấp tuyến Quốc lộ 18A đoạn Hạ Long - Mông Dương đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền sử dụng đất của các hộ dân thuộc phường H, thành phố P nhưng UBND

thành phố P không ban hành Quyết định thu hồi đất và thực hiện việc kiểm đếm, không thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Đây là hành vi hành chính của UBND cấp huyện là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và còn thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền, đúng thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và người bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà H2, bà H3 và bà Phương, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 20/6/2018 ông Hoàng Tiến Kh vừa là người khởi kiện vừa là người đại diện cho bà H2, bà H3 và bà Phương có đơn xin rút đơn khởi kiện, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2018) Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh mới nhận được nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử xem xét đến yêu cầu của ông Kh, bà H2, bà H3 và bà Phương là đúng trình tự. Tuy nhiên, do các đương sự này không kháng cáo nên không thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của cấp phúc thẩm, cấp phúc thẩm không có thẩm quyền giải quyết.

Về Nội dung:

[4]. Trong vụ án này sau khi xét xử sơ thẩm có 04 người kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm là: Bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C và ông Nguyễn Quang Th. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Xét nguồn gốc sử dụng đất của 04 hộ dân trên do ông Đinh Viết T5, bà Ngô Thị L khai hoang, sử dụng từ năm 1985, sau đó tách cho các hộ, cụ thể như sau:

- Năm 1991 ông Thông, bà L tách một phần diện tích đất cho con trai là ông Đinh Viết H5, Ông H5 đã xây dựng nhà ở từ năm 1991 đến nay (vợ là Nguyễn Thị Tr) đến năm 2006 Ông H5 và bà Trâm được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 1884, số phát hành AE 660891 ngày 12/10/2006, với diện tích là 103,0m².

- Năm 1991 chuyển nhượng một phần đất cho ông Nguyễn Văn Đ bà Trần Thị L2, ông Đ bà L2 làm nhà ở từ năm 1991, hiện ông Đ bà L2 đã chết; khối di sản

này chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất, chưa được phân chia di sản thừa kế theo quy định, hiện ông Nguyễn Quang Th đang quản lý khối di sản này.

- Năm 1997 tách một phần cho con trai là Đinh Viết C, năm 2007 ông C được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 2349, số phát hành AK 120297 với diện tích là 69,0m².

Năm 2008 ông Thông, bà L được UBND thị xã P cấp GCNQSD đất số H 2643, số phát hành AK 120348 ngày 24/01/2008 với diện tích là 127,0m².

[4.2] Nguồn gốc diện tích đất các hộ gia đình đang khởi kiện yêu cầu được đền bù là diện tích nằm trong hành lang giao thông và nằm ngoài GCNQSD đất cho các hộ dân. Năm 1995 thực hiện Quyết định số 2135 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt lộ giới đường 18A thuộc thị xã P, Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ và Chỉ thị số 317/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị thì phần diện tích đất này của các hộ dân sử dụng vào mục đích làm sân, nền phục vụ sinh hoạt chung; phần diện tích này nằm ngoài trích lục bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2000, bản đồ địa chính năm 2003 và trích đo địa chính năm 2015.

Phần diện tích các hộ khởi kiện không chiếm dụng vào ranh giới thửa đất đã được cấp GCNQSD đất của các hộ (ranh giới thửa đất được cấp tại GCNQSD đất nằm ngoài và cách ranh giới GPMB Dự án (năm 2015) khoảng từ 6,5m đến 8m).

Theo bản đồ hiện trạng giải phóng mặt bằng Quốc lộ 18A đoạn Hồng Gai - Cửa Ông (giai đoạn 3) năm 2000 cụ thể: Tại vị trí thửa đất các hộ đang sử dụng không có thửa đất hiện trạng thể hiện tại bản đồ GPMB Quốc lộ 18A (hoàn thành tháng 3/2000). Đối chiếu với vị trí diện tích các hộ khởi kiện xác định: Hộ bà L tại phía Bắc thuộc lý trình Km 143+90, hộ bà Trâm tại phía Bắc thuộc lý trình 143+100, hộ ông C tại phía Bắc thuộc lý trình 143+098 và hộ ông Đ, bà L2 (do ông Thành đang quản lý) thuộc phía Bắc lý trình 143+115 trên bản đồ GPMB Quốc lộ 18A. Thực hiện dự án Quốc lộ 18A đoạn Hồng Gai - Cửa Ông (giai đoạn 3) năm 2000 các hộ không được bồi thường về đất. Mặt khác, phần diện tích nêu trên của các hộ nằm ngoài thửa đất hiện trạng của các hộ được thể hiện tại bản đồ hiện trạng giải phóng mặt bằng dự án Đường cao tốc H - V và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ A đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức hợp đồng BOT năm 2015. Cụ thể: Hộ bà Ngô Thị L đang sử dụng tại thửa đất số 14 tờ bản đồ GPMB số 19, ranh giới thửa đất hiện trạng nằm ngoài và cách ranh giới Dự án (năm 2015) trung bình khoảng 6,5m. Hộ bà Nguyễn Thị Tr đang sử dụng tại thửa đất số

14 tờ bản đồ GPMB số 19, ranh giới thửa đất hiện trạng nằm ngoài và cách ranh giới Dự án (năm 2015) trung bình khoảng 7m. Hộ ông Đinh Viết C đang sử dụng tại thửa đất số 14 tờ bản đồ GPMB số 19, ranh giới thửa đất hiện trạng nằm ngoài và cách ranh giới Dự án (năm 2015) trung bình khoảng 6,7m. Hộ ông Nguyễn Quang Th đang sử dụng tại 1 phần thửa đất số 02 tờ bản đồ GPMB số 19, ranh giới thửa đất hiện trạng nằm ngoài và cách ranh giới Dự án (năm 2015) trung bình khoảng 8,0m.

Phần diện tích các hộ đang khởi kiện, căn cứ vào sổ bộ thuế từ năm 2008 đến năm 2016 thì các hộ không nộp thuế nhà đất, thuế phi nông nghiệp mà các hộ chỉ nộp thuế nhà đất đối với diện tích đất được cấp GCNQSD đất.

Đối chiếu bản đồ địa chính năm 2003 xác định: Thửa đất các hộ, gồm: Bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr và ông Đinh Viết C đang sử dụng được tách ra từ thửa đất số 107 tờ bản đồ số 44 diện tích 350,1m² của chủ sử dụng đất là ông Đinh Viết T5 - bà Ngô Thị L. Ranh giới dự án Đường cao tốc H - V và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Hạ Long - Mông Dương không chiếm dụng vào thửa đất địa chính nêu trên, cụ thể: Ranh giới thửa đất nằm ngoài và đất bà L cách ranh giới GPMB dự án khoảng 6,5m, đất bà Trâm cách ranh giới GPMB 7,0m, đất ông C cách ranh giới GPMB 6,7m. Tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thể hiện vị trí đất các hộ là đường Quốc lộ 18A (thửa đất giao thông giáp ranh số 131 diện tích 4451,5m²).

Đối với hộ ông Thành thửa đất đang quản lý là một phần thửa đất số 90 tờ bản đồ số 14 diện tích 815,7m² của chủ sử dụng là bà Trần Thị L2; ranh giới đường cao tốc H - V và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ A đoạn Hạ Long - Mông Dương không chiếm dụng vào thửa đất địa chính nêu trên, cụ thể: Ranh giới thửa đất nằm ngoài và cách ranh giới GPMB dự án khoảng 8,1m; tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thể hiện vị trí đất hộ ông khởi kiện là đường Quốc lộ 18A (thửa đất giao thông giáp ranh thửa số 131 diện tích 4451,5m²).

Như vậy, có căn cứ khẳng định Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích mà các hộ dân cho rằng có ảnh hưởng bởi dự án thuộc quyền sử dụng của mình là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ đó khi triển khai thực hiện dự án đường cao tốc H - V và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18, UBND thành phố P, tỉnh Quảng Ninh không ban hành quyết định thu hồi đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với những người khởi kiện là đúng pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các hộ dân, nên không có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của những người khởi kiện.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc triển khai thực hiện dự án đường cao tốc H - V và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 không xâm phạm

đến quyền lợi ích hợp pháp của các hộ dân khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới; nên những người kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận; tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4]. Về án phí: Người kháng cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật hành tố tụng chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C và ông Nguyễn Quang Th; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Về án phí: Bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Đinh Viết C, ông Nguyễn Quang Th mỗi người phải nộp 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AC/2016/0000999, số AA/2018/0007001, số AA/2018/0007002 và số AA/2018/0007003 cùng ngày 17/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Xác nhận bà L, bà Trâm, ông C, ông Thành đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

